

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**  
Số: *HP60* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Quảng Bình, ngày *21* tháng *02* năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính bổ sung mới hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chính quyền địa phương và Tổ chức phi chính phủ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-SNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2191/QĐ-SNV ngày 07/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 202/TTr-SNV ngày 08/02/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính bổ sung mới hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chính quyền địa phương và Tổ chức phi chính phủ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Sở Nội vụ, UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng và phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này; gửi Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT ngày

20/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng quy trình tin học hóa giải quyết thủ tục hành chính.

b) UBND cấp huyện có trách nhiệm sao gửi và bãi bỏ các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính nêu trên đã được phê duyệt tại cấp huyện, cấp xã trên địa bàn theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT; gửi Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT QB;
- Lưu: VT, KSTTHC.

*(Handwritten mark)*



**CHỦ TỊCH**

**Trần Thắng**



**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, SỞ NỘI VỤ, UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*(Kèm theo Quyết định số 1160 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)*

**1. Thủ tục hành chính công bố bổ sung mới**

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  | Nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ BCCI |
|-----|---|---|--|-------------|---|--|
| A   | <b>Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình</b> |   |  |             |   |  |
| I   | <b>Lĩnh vực Chính quyền địa phương</b>  |   |  |             |   |  |
| 1   | Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã  | - Thời hạn tổ chức thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã do UBND cấp huyện gửi đến.<br>- Thời hạn Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ. | Bộ phận một cửa Sở Nội vụ, số 72 Ngô Quyền, phường Đồng Phú, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | Không       | Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. | Có                                       |

| II |   | Lĩnh vực Tổ chức phi Chính phủ                                   |  |       |  |    |
|----|---|--|--|-------|--|----|
| 1  | Thủ tục đổi tên hội   | Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |  | Không | - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;<br>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;<br>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; | Có |
| 2  | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp tỉnh                           | Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận một cửa Sở Nội vụ, số 72 Ngô Quyền, phường Đồng Phú, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | Không | - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ.                               | Có |
| B  | Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình |  |  |       |  |    |
| I  | Lĩnh vực Tổ chức phi Chính phủ  |  |  |       |  |    |

|   |   |  |                |       |   |    |
|---|---|--|----------------|-------|---|----|
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                                  | 40 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</li> <li>- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình.</li> </ul> | Có |
| 2 | Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ          | 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không |   | Có |
| 3 | Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ                     | 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không |   | Có |
| 4 | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ | 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không |   | Có |
| 5 | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ                       | 15 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không |   | Có |
| 6 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                              | 15 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không |   | Có |
| 7 | Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động          | 15 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không |   | Có |

|    |  |  |                |       |  |    |
|----|--|--|----------------|-------|--|----|
| 8  | Thủ tục đổi tên quỹ                          | 15 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp   | UBND cấp huyện | Không | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; | Có |
| 9  | Thủ tục quỹ tự giải thể                      | 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại | UBND cấp huyện | Không | - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình.  | Có |
| 10 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội | 30 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp  | UBND cấp huyện | Không | - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;   | Có |
| 11 | Thủ tục thành lập hội                        | 30 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp  | UBND cấp huyện | Không | - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;   | Có |
| 12 | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội                | 30 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp  | UBND cấp huyện | Không | - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi,   | Có |
| 13 | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội   | 30 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp  | UBND cấp huyện | Không |  | Có |
| 14 | Thủ tục đổi tên hội                          | 30 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp  | UBND cấp huyện | Không |  | Có |

|    |  |   |                |       |   |    |
|----|--|---|----------------|-------|---|----|
| 15 | Thủ tục hội tự giải thể                                      | 30 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không | bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ; | Có |
| 16 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường | 25 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | UBND cấp huyện | Không | - Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ.                              | Có |

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| STT      | Số hồ sơ TTHC   | Tên thủ tục hành chính  | Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính  |
|----------|---|---|---|
| <b>A</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>  |   |   |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Tổ chức biên chế</b>  |   |   |
| 1        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh                          | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 2        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh                    |   |
| 3        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của UBND tỉnh  |   |
| 4        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của UBND tỉnh |   |

|           |   |  |   |
|-----------|---|--|---|
| <b>B</b>  | <b>Thủ tục hành chính cấp huyện</b>   |  |   |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Tổ chức biên chế</b>  |  |   |
| 1         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện                          | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 2         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện                             |   |
| 3         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của UBND cấp huyện  |   |
| 4         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của UBND cấp huyện |   |
| 5         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục thành lập Trung tâm công tác xã hội công lập   |   |
| 6         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục giải thể Trung tâm công tác xã hội công lập  |   |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Chính quyền địa phương</b>  |  |   |
| 1         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố mới   | Bộ Nội vụ không công bố   |
| 2         | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn  | Bộ Nội vụ không công bố   |

|          |   |   |                         |
|----------|---|---|-------------------------|
| <b>C</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp xã</b>  |   |                         |
|          | <b>Lĩnh vực Chính quyền địa phương</b>  |   |                         |
| 1        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố               | Bộ Nội vụ không công bố |
| 2        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục bầu Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố              |                         |
| 3        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố        |                         |
| 4        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục miễn nhiệm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố       |                         |
| 5        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố         |                         |
| 6        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố        |                         |
| 7        | Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình | Thủ tục chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời |                         |

